

# QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

*Nguyễn Minh Đức\**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 02/12/2020

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 03/6/2021

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/6/2021

**Tóm tắt:** Hệ thống ngân hàng thương mại đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội. Rủi ro lãi suất là vấn đề luôn được các NHTM tại Việt Nam quan tâm trong những năm gần đây. Bài viết sử dụng các phương pháp thống kê và phân tích tổng hợp để phân tích thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại các NHTM tại Việt Nam. Từ kết quả phân tích sẽ đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại các NHTM trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại, rủi ro lãi suất, quản trị rủi ro, rủi ro

## I. Đặt vấn đề

Rủi ro lãi suất luôn tồn tại trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, là một phần rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động ngân hàng. Khi xảy ra rủi ro lãi suất thì thu nhập của ngân hàng giảm sút, một lượng vốn tương ứng không được quay vòng, dòng tiền trong nền kinh tế không lưu thông được và hệ thống ngân hàng sẽ gặp khó khăn về thanh khoản. Rủi ro cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ, lãi suất và quản lý thị trường tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Chính vì vậy các nhà quản trị NHTM luôn quan tâm đến quản trị rủi ro lãi suất và xây dựng, điều chỉnh chính sách lãi suất cho phù hợp với sự biến động của thị trường trong từng giai đoạn. Quản trị rủi ro lãi suất của NHTM là gì? Quản trị rủi ro lãi

suất nhằm để đạt mục tiêu và cần thực hiện ở những nội dung nào? Các nhân tố nào ảnh hưởng đến quản trị rủi ro lãi suất của NHTM?... Hơn nữa trong mỗi thời kỳ và điều kiện phát triển hệ thống ngân hàng của mỗi quốc gia cần có sự đổi mới và hoàn thiện những vấn đề lý luận nêu trên.

Bên cạnh đó trong giai đoạn công nghiệp 4.0 các ngân hàng không chỉ cạnh tranh với các ngân hàng khác mà còn phải cạnh tranh với các doanh nghiệp ngoài ngành như các công ty tài chính, bảo hiểm, Fintech,... vì vậy để cạnh tranh được với các đối thủ trong và ngoài ngành thì chính sách lãi suất là chiến lược mang tính chất quyết định vì cả người gửi hay người vay đều quan tâm đến lãi suất, người gửi sẽ chọn ngân hàng huy động lãi suất cao, còn người vay lại chọn ngân hàng có lãi suất

---

\* Viện Kinh tế và Quản lý – Đại học Bách Khoa Hà Nội

cho vay thấp chính vì vậy các ngân hàng phải tăng lãi suất huy động và giảm lãi suất cho vay dẫn đến bất cân xứng trong mối quan hệ lãi suất và chính vì thế rủi ro sẽ gia tăng.

## **II. Cơ sở lý thuyết trong quản trị rủi ro lãi suất tại các NHTM**

### **2.1. Rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh của NHTM**

Rủi ro lãi suất (RRLS) là nguy cơ biến động thu nhập và giá trị ròng của ngân hàng khi lãi suất thị trường biến động. Đây là rủi ro mang tính đặc trưng của bất kỳ một NHTM nào. Quá trình chuyển hoá tài sản được coi như một chức năng đặc biệt cơ bản của hệ thống ngân hàng. Quá trình chuyển hoá tài sản bao gồm việc mua các chứng khoán sơ cấp, tức là sử dụng vốn và phát hành các chứng khoán sơ cấp, tức là huy động vốn. Kỳ hạn và mức độ thanh khoản của các chứng khoán sơ cấp trong danh mục đầu tư thuộc Tài sản có (TSC) thường không cân xứng với các chứng khoán thứ cấp thuộc tài sản nợ (TSN). Chính sự không cân xứng về kỳ hạn giữa TSC và TSN làm cho ngân hàng phải chịu RRLS khi lãi suất trên thị trường biến động. Rủi ro lãi suất được chia thành 3 loại:

- *Rủi ro hiển nhiên (Rủi ro đánh giá lại hay rủi ro chênh lệch kỳ hạn) (Outright Risk)*: Là rủi ro gây ra do đường cong lãi suất chuyển dịch song song lên hoặc xuống, các kỳ hạn khác nhau sẽ biến đổi giống nhau.

- *Rủi ro đường cong lợi suất (Yield Curve Risk)*: Là rủi ro gây ra do đường cong lãi suất thay đổi hình dạng. Khi lãi suất thay đổi lãi suất của các kỳ hạn khác nhau sẽ thay đổi khác nhau. Rủi

ro đường cong lãi suất là rủi ro mà khi đường cong lợi suất trở nên đảo ngược khi lãi suất của kỳ ngắn hạn trở nên cao hơn lãi suất của kỳ dài hạn.

- *Rủi ro cơ bản (Basic Risk)*: Là rủi ro gây ra khi có sự thay đổi không đồng đều của các cơ sở lãi suất khác nhau. Ví dụ như bên TSC, cho vay đồng đô la Mỹ dựa trên cơ sở lãi suất LIBOR, trong khi đó bên TSN đi vay lại dựa trên cơ sở lãi suất SIBOR mà hai cơ sở lãi suất này thay đổi khác nhau. Như vậy sẽ có RRLS gọi là rủi ro cơ bản trong trường hợp này.

### **2.2. Quản trị rủi ro lãi suất của NHTM**

Quản trị là sự tác động liên tục có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản trị đến đối tượng chịu sự quản trị nhằm sử dụng tốt nhất mọi tiềm năng và cơ hội để đạt được các mục tiêu kinh doanh đã đề ra trong mỗi thời kỳ với phương châm tối ưu hóa chi phí được sử dụng vào quá trình đó, đồng thời đảm bảo tăng lợi nhuận.

Quản trị rủi ro là xác định mức độ rủi ro mà một ngân hàng mong muốn, nhận diện được mức độ rủi ro hiện nay của ngân hàng đang gánh chịu và sử dụng các công cụ phái sinh hoặc các công cụ tài chính khác để điều chỉnh mức độ rủi ro thực sự theo mức rủi ro dự tính.

QTRRLS chính là việc các ngân hàng thiết lập hệ thống quy trình nhằm nhận biết, định lượng, giám sát, kiểm soát những tổn thất đang và sẽ gây ra đối với thu nhập của ngân hàng do biến động của lãi suất để từ đó có thể đề ra những chiến lược, chính sách hoặc sử dụng những công cụ nhằm phòng ngừa, hạn chế tới mức tối đa những ảnh hưởng xấu của biến động lãi suất tới thu nhập của

ngân hàng một cách đầy đủ, toàn diện và liên tục.

Một mục tiêu quan trọng trong QTRRLS là hạn chế tới mức tối đa các ảnh hưởng xấu của biến động lãi suất tới thu nhập của ngân hàng. Dù lãi suất thay đổi như thế nào, ngân hàng luôn mong muốn đạt được mức thu nhập dự kiến ở mức tương đối ổn định.

Trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng có nhiều yếu tố khách quan và chủ quan mang lại RRLS trong đó có nhiều yếu tố bất khả kháng nên không tránh khỏi rủi ro. Trong điều kiện thị trường đầy biến động, khi lãi suất thị trường thay đổi có thể dẫn đến những thiệt hại về tài sản cũng như ảnh hưởng đến thu nhập của ngân hàng. Những ảnh hưởng của RRLS có thể dẫn đến rủi ro thiếu vốn khả dụng và từ đó có thể ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Chính vì vậy, hàng năm NHTM trích lập quỹ bù đắp rủi ro và được hạch toán vào chi phí. Quy mô quỹ bù đắp rủi ro căn cứ vào mức độ và xác suất rủi ro. Nếu rủi ro thấp thì hiệu quả kinh tế sẽ tăng và ngược lại.

RRLS tồn tại trong những nghiệp vụ cơ bản của NHTM. Hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng, hoạt động kinh doanh ngoại tệ... đều tiềm ẩn RRLS. Như vậy, để hoạt động kinh doanh của NHTM đạt hiệu quả thì công tác QTRRLS cần phải được quan tâm thích đáng.

Xu hướng tự do hóa và toàn cầu hóa kinh tế khiến hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng ngày càng trở nên phức tạp, rủi ro hoạt động ngày càng gia tăng. Đối với một nước đang phát triển như Việt Nam, làm thế nào để quản trị rủi ro một cách có hiệu quả trong một môi

trường kinh doanh mới và thị trường có nhiều biến động như hiện nay? Vấn đề này chỉ có thể được giải quyết thông qua việc nâng cao năng lực quản trị rủi ro.

### III. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp thống kê: Tác giả sử dụng số liệu thống kê thích hợp để phục vụ cho việc phân tích thực trạng công tác quản trị rủi ro lãi suất của NHTM tại Việt Nam.

- Phương pháp phân tích tổng hợp: Trên cơ sở phân tích từng nội dung cụ thể, tác giả đưa ra những đánh giá chung về thực trạng quản trị rủi ro lãi suất của NHTM tại Việt Nam.

- Phương pháp so sánh, đối chiếu: Quản trị rủi ro lãi suất của Ngân hàng Thương mại tại Việt Nam được xem xét trên cơ sở có sự so sánh đối chiếu giữa các giai đoạn, cũng như so sánh với thực trạng quản trị rủi ro lãi suất của các Ngân hàng Thương mại trong nước và trên thế giới.

### IV. Kết quả và thảo luận.

#### 4.1. Chính sách lãi suất

Đối với hoạt động cho vay trên thị trường liên ngân hàng (ngắn hạn), lãi suất đầu tư được xác định tùy thuộc vào diễn biến thị trường và chi phí vốn của ngân hàng. Các khoản cho vay trên thị trường liên ngân hàng thường có kỳ hạn ngắn (dưới 3 tháng). Căn cứ vào dự báo về diễn biến lãi suất trên thị trường và khả năng cân đối nguồn vốn, ngân hàng sẽ đưa ra quyết định đầu tư phù hợp. Trong trường hợp dự báo lãi suất có xu hướng giảm, ngân hàng sẽ tăng cường các khoản đầu tư dài hạn để tăng khả năng sinh lời. Ngược lại, trong trường hợp dự báo lãi suất có xu hướng tăng, ngân hàng sẽ tăng cường các khoản đầu tư ngắn hạn.

Đối với hoạt động cho vay với khách hàng, ngân hàng quy định mức lãi suất cho vay trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý, trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, giá trị tài sản bảo đảm, lãi suất trên thị trường, đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Trụ sở chính quy định mức sàn lãi suất cho vay trong từng thời kỳ, các đơn vị kinh doanh được chủ động xác định lãi suất cho vay đối với khách hàng trong từng thời kỳ đảm bảo không thấp hơn sàn lãi suất trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro tín dụng và phải đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận hàng năm. Bên cạnh đó, do cơ cấu nguồn vốn chủ yếu tập trung nguồn vốn có thời hạn định lại lãi suất ngắn hạn, vì vậy ngân hàng quy định tất cả các khoản cho vay đều phải thả nổi lãi suất, điều chỉnh định kỳ 1-3 tháng/lần.

Đối với hoạt động huy động vốn, lãi suất được xác định theo nguyên tắc thị trường, kết hợp với định hướng kinh doanh của ban lãnh đạo, cân đối vốn của ngân hàng và quy định của NHNN. Nguồn vốn huy động của ngân hàng chủ yếu có thời hạn định lại lãi suất ngắn.

Trong hoạt động cho vay, các chi nhánh cùng phục vụ 01 khách hàng/nhóm khách hàng phải thông qua chi nhánh đầu mối để thống nhất mức lãi suất áp dụng đối với khách hàng trong toàn hệ thống, nghiêm cấm “phá giá” nhằm lôi kéo khách hàng và tăng thị phần riêng của chi nhánh nhưng gây ảnh hưởng đến lợi ích và uy tín của NHTM.

#### **4.2. Định hướng quản trị rủi ro lãi suất tại NHTM của Việt Nam**

- Quản trị rủi ro, QTRRLS là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển chung của ngân hàng.

- Các chính sách, cơ chế trong hoạt động tín dụng quản trị rủi ro nói chung và QTRRLS nói riêng đảm bảo luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nguồn vốn và dư nợ cho vay, tăng trưởng lợi nhuận của ngân hàng nhưng duy trì an toàn trong hoạt động ngân hàng, đặc biệt là hoạt động tín dụng, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu dưới 0,75%.

- Thấm nhuần văn hóa quản trị rủi ro, nghiêm túc tuân thủ các quy định/chính sách/điều kiện phê duyệt của Vietinbank, đặc biệt coi trọng tuân thủ giám sát sau giải ngân. Tăng cường công tác giám sát chất lượng tín dụng từ xa, phát hiện sớm các dấu hiệu rủi ro, đưa ra các cảnh báo kịp thời, hiệu quả.

- Kiểm tra tình hình thực tế để nắm vững thực trạng tài chính, năng lực kinh doanh, tài sản đảm bảo và những khó khăn thực sự của khách hàng. Xây dựng và triển khai các giải pháp phù hợp với từng khách hàng, hạn chế thấp nhất phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, đồng hành hỗ trợ khách hàng vượt qua giai đoạn khủng hoảng.

- Triển khai linh hoạt, đồng bộ các biện pháp xử lý và thu hồi nợ phù hợp (Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khách hàng chủ động trả nợ, miễn giảm lãi). Khách hàng chủ động bán tài sản để trả nợ, mua bán nợ thông qua VAMC hiệu quả đối với từng khách hàng, từng đơn vị để hạn chế tác động của Thông tư 02 về phân loại nợ và trích lập dự phòng có hiệu lực từ 01/06/2014 và mục tiêu chất lượng tín dụng của NHTM (nợ xấu và nợ quá hạn).

- Tăng cường thu hồi các khoản nợ xấu, nợ xấu đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro, đẩy mạnh thu hồi lãi treo. Hàng năm Vietinbank đều đưa ra mục tiêu thu hồi các khoản nợ xấu dựa trên các tỷ lệ đặt

ra như: Tỷ lệ thu hồi nợ xấu nội bảng; Tỷ lệ thu hồi nợ ngoại bảng.

- Tập trung thu các khoản lãi treo, lãi phạt, phí bảo lãnh, phí dịch vụ, chú ý không để tình trạng bỏ sót, nhập liệu số liệu sai dẫn đến thu thiếu lãi của khách hàng.

- Thực hiện trích lập dự phòng đảm bảo nguồn tài chính dự phòng đầy đủ cho những tổn thất có thể xảy ra (kiểm soát tỷ lệ số dư quỹ dự phòng/nợ xấu đối với từng chi nhánh).

- Tăng cường quản trị rủi ro tín dụng, QTRRLS đi liền với việc áp dụng mô hình quản trị tín dụng tiên tiến và chiến lược quản trị phù hợp với điều kiện về công nghệ, nhân lực, tài chính và trình độ phát triển của ngân hàng và lộ trình tuân thủ Basel II theo hướng dẫn của NHNN.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong QTRRLS, tăng cường sử dụng các phương pháp định lượng trong đánh giá rủi ro tín dụng.

- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ ngân hàng nói chung và cán bộ làm công tác QTRRLS nói riêng.

- Tăng cường QTRRLS được tiến hành đồng thời với quản trị các loại rủi ro khác như rủi ro tác nghiệp, rủi ro thị trường...

### **4.3. Xây dựng chính sách và hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro lãi suất**

- Các nhà làm luật (Legal and Regulatory Authorities): Nhà quản trị xây dựng các quy định trong ngân hàng, cần tạo ra hành lang pháp lý, bao gồm cả các hạn mức rủi ro và các thông số quản lý rủi ro khác, được cho rằng tối ưu đối với việc quản trị rủi ro trong hệ thống ngân hàng.

- Nhà giám sát (Supervisory Authorities): Giám sát khả năng tài chính thành công và tính hiệu quả của quản trị rủi ro. Kiểm tra tính tuân thủ đối với các qui định.

- Các cổ đông (Shareholders): Chỉ định ra ban lãnh đạo ngân hàng, các nhà kiểm toán.

- Ban giám đốc (Board of Director): Thiết lập chính sách quản trị rủi ro và các chính sách khác của ngân hàng. Ban giám đốc là nơi có trách nhiệm cao nhất trong ngân hàng.

- Các nhà quản lý (Managers): Thi hành việc quản lý, tạo ra hệ thống thực thi các chính sách do Ban giám đốc đặt ra, bao gồm việc quản trị rủi ro trên cơ sở hàng ngày.

- Ủy ban kiểm soát/kiểm toán nội bộ: Kiểm tra sự làm đúng các chính sách do ban lãnh đạo đặt ra, đảm bảo tính đúng đắn việc điều hành công ty, hệ thống kiểm soát và quá trình quản trị rủi ro.

- Kiểm toán bên ngoài: Đưa ra các ý kiến về các báo cáo tài chính và đánh giá các chính sách quản lý rủi ro.

## **V. Kết luận**

Rủi ro lãi suất tồn tại trong hoạt động của các ngân hàng thương mại là tất yếu. Tuy nhiên, khi rủi ro lãi suất xảy ra thu nhập lãi của ngân hàng sẽ bị tổn thất, sẽ gây nên những tác động tiêu cực đối với các ngân hàng thương mại cũng như đối với nền kinh tế. Vì vậy, hoạt động quản trị rủi ro lãi suất đối với ngân hàng thương mại nói chung.

**Tài liệu tham khảo:**

[1]. Đinh Xuân Hạng & Nguyễn Văn Lộc, *Giáo trình quản trị tín dụng NHTM*. Nhà xuất bản tài chính, (2012).

[2]. Nguyễn Thị Mùi, *Quản trị Ngân hàng thương mại*. Nhà xuất bản Tài chính, (2016).

[3]. Nguyễn Văn Tiến, *Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng*, Nhà xuất bản Thống kê, (2010).

[4]. Trần Đình Định, *Quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế và quy định của Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội, (2008).

[5]. Bernd E. & Robert R, *The Basel II Risk Parameters - Estimation, Validation, Stress Testing with Applications to Loan Risk Management*, Springer, (2010).

[6]. Choudhry, Moorad, *An introduction to banking: liquidity risk and asset-liability management*, John Wiley & Sons Inc, (2011).

[7]. World Bank Taking Stock, An Update on VietNam's economic developments and reforms, *Report for Consultative Group meeting for VietNam*, (2006-2010).

**Địa chỉ tác giả: Viện Kinh tế và Quản lý – Đại học Bách Khoa Hà Nội**

**Email: ducnmbk@gmail.com**

